

MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ VẤN ĐỀ CON NGƯỜI THEO CÁCH QUY CHIẾU VỚI QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH

GS, TS MẠCH QUANG THẮNG

Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

3-8-2022

Ngày thẩm định, đánh giá:

23-8-2022

Ngày duyệt đăng:

5-9-2022

Tóm tắt: Trong vấn đề con người, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý tới vấn đề giải phóng con người - mục tiêu cuối cùng trong “ba giải phóng” của Người. Giải phóng con người được đặt trong các công cuộc giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội. Nhận thức về vấn đề con người nói chung và con người trong xã hội Việt Nam nói riêng vẫn tiếp tục là một quá trình nghiên cứu. Cần đặt sự nghiên cứu vấn đề này trong hệ quy chiếu với tư tưởng Hồ Chí Minh. Bài viết nêu một số kết quả bước đầu về những nội dung trên.

Từ khóa:

*Tư tưởng Hồ Chí Minh;
giải phóng con người;
giải phóng dân tộc*

1. Giải phóng và phát triển

Sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh là sự nghiệp của công cuộc ba giải phóng: Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội (trong đó có giải phóng giai cấp), giải phóng con người.

Trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* thay mặt cho Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đọc trước cuộc mít tinh chiều 2-9-1945 mùa Thu nắng vàng, tại Vườn hoa Ba Đình, Hà Nội, Hồ Chí Minh dẫn một đoạn của *Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ cũng như Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1789. Đoạn trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ năm 1776 được Hồ Chí Minh dẫn ra như sau: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”¹.

Còn đoạn trong *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1789 được Hồ Chí Minh dẫn ra là: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”².

Đó là điều thú vị và rất ngạc nhiên - ngạc nhiên bởi lý do Hồ Chí Minh dẫn hai bản tuyên ngôn đó. Còn có điều thú vị nữa: Hồ Chí Minh đặt quyền con người và sự tự do của con người trên cái nền của độc lập dân tộc. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh mới “Suy rộng ra câu ấy có nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”³. Như vậy, từ trong quan điểm của Hồ Chí Minh, có thể nhận thấy rằng, giải phóng dân tộc là điều kiện tiên quyết để giải phóng xã hội và giải phóng con người; mọi yếu tố và nguồn lực giải phóng khác phải được

đặt trên nền của điều kiện giải phóng dân tộc. Nội hàm “dân tộc” không chỉ trong văn bản *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 2-9-1945, mà còn thể hiện trong rất nhiều bài nói, bài viết và hành động của Hồ Chí Minh những năm 30 của thế kỷ trước, đã “làm khô” chính bản thân Hồ Chí Minh. Đã một thời, Hồ Chí Minh bị cấp trên của mình hiểu sai (cấp trên cụ thể ở đây là Quốc tế Cộng sản khóa VI), bởi cấp trên vẫn quan niệm rằng, đã là cộng sản thì không có chỗ đứng cho lập trường dân tộc. Do đó, cấp trên, và cả một số vị trong Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương những năm 30 thế kỷ XX, cho rằng, Hồ Chí Minh và những người tham gia thành lập Đảng mắc phải sai lầm là quốc gia/dân tộc chủ nghĩa. Năm 1924, trong tác phẩm “Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ”⁴, có nêu quan điểm rằng: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngấm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản, làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917... Chủ nghĩa dân tộc ăn sâu vào quần chúng”⁵. Hồ Chí Minh nêu cao vai trò của chủ nghĩa dân tộc ở đây là chủ nghĩa dân tộc chân chính, chủ nghĩa dân tộc đi theo QTCS.

Cần viết thêm rằng, chủ nghĩa dân tộc ở đây có trong những nhà trí thức tiểu tư sản yêu nước Việt Nam cùng thời với Nguyễn Tất Thành. Nhiều người trong lớp thanh niên này đã mang nhập nó, nâng cao lên trong dòng tiến hóa, tiếp nhận luồng tư tưởng cách mạng vô sản, nhập và nạp vào CNCS. Như vậy, lập trường của CNCS Việt Nam thời kỳ đầu này chúng ta thấy rất rõ “2 trong 1”, nghĩa là trong lập trường cộng sản có cái chất

chủ nghĩa dân tộc - chủ nghĩa yêu nước. Thế mới rõ là, ở Việt Nam, chủ nghĩa dân tộc hoàn toàn đi được, đi cùng và quyện vào CNCS chứ không phải CNCS không “đính đáng” gì với yêu nước, với chủ nghĩa dân tộc như nhiều nước ở châu Âu.

Không ít những chính khách, những nhà quân sự, thậm chí những nhà khoa học người nước ngoài mắc sai lầm khi nhìn nhận về chiến tranh mà các thế lực thù địch gây ra cho nhân dân Việt Nam. Thường họ nhìn nhận vấn đề tương quan lực lượng thiên về quân sự (quân phiệt); chẳng hạn: phía này có bao nhiêu quân số, trang bị vũ khí, quân trang quân dụng ra sao, phía Việt Cộng có bao nhiêu quân, lực lượng quân sự thế nào, mà họ không nhìn thấy sức mạnh từ truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Có người tình ngộ về nhìn nhận vấn đề này như ông Robert S.McNamara, cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, người đã tham gia trong Chính phủ của Tổng thống Mỹ John F.Kennedy và Tổng thống Mỹ Lyndon Baines Johnson. Nhiều chính khách, các nhà quân sự, nhà khoa học của Pháp và Mỹ, trong đó có nhiều người từng cầm súng xâm lược Việt Nam, thường viết sách khi chiến tranh đã kết thúc. Robert S.Mc Namara định không bao giờ viết. Nhưng, vấn đề chiến tranh ở Việt Nam luôn ám ảnh ông. Vì thế, tháng 4-1995, nghĩa là sau 20 năm chiến tranh kết thúc, Robert S.Mc Namara đã cho xuất bản cuốn sách *Nhìn lại quá khứ - Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam* (Nxb Random của Mỹ). Trong cuốn sách này, Robert S.McNamara thừa nhận rằng: “Chúng tôi... đã sai lầm, sai lầm khủng khiếp. Chúng tôi mắc nợ các thế hệ tương lai trong việc giải thích tại sao lại sai lầm như vậy”⁶. Robert S.McNamara rút ra “11 nguyên nhân chính gây ra thảm họa của chúng ta tại Việt Nam”, trong đó có nguyên nhân: Mỹ “đánh giá thấp chủ nghĩa dân tộc (trong trường hợp này là Bắc Việt Nam và Việt Cộng) đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó”⁷. Cụm từ “chủ

nghĩa dân tộc” mà Robert S. Mc Namara nêu lên ở trong cuốn sách còn có nội hàm sức mạnh nội tại của dân tộc Việt Nam trong đó có cả nền văn hóa chứa chất những truyền thống dân tộc tốt đẹp. Hơn nữa, các thế lực xâm lược Việt Nam từ cổ chí kim sờ dẫm thua Việt Nam không phải vì Việt Nam binh hùng tướng mạnh hơn họ mà là vì họ phải húc vào sức mạnh dân tộc lớn hơn gấp bội phần sức mạnh từ những sư đoàn, binh đoàn được trang bị những vũ khí tối tân.

Cũng vì như thế, cho nên năm 1924, Nguyễn Ái Quốc có quan điểm giống với C.Mác khi cho rằng: “Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc”⁸. Nhưng, dần dần qua thực tế, đắm mình vào khảo nghiệm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh đã đảo “vế” ấy lại; đến HNTƯ Đảng tháng 5-1941 ở Pác Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng do Người chủ trì, ra Nghị quyết, nêu rõ: “quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”⁹.

Nay thì khác: dân tộc trên hết, lợi ích dân tộc là cao nhất (Không phải là chủ nghĩa dân tộc theo số vanh nước lớn và dân tộc hẹp hòi). Xem thế dễ thấy rằng, từ sớm, Hồ Chí Minh đã đưa tầm nhìn của mình lên rất cao và đi trước rất xa so với những nhà cách mạng cùng thời.

Sau điều kiện tiên quyết đó thì giải phóng xã hội và giải phóng con người lại là những điều kiện bảo đảm vững chắc nhất cho giải phóng dân tộc. Nếu giải phóng dân tộc rồi mà xã hội vẫn cứ đầy rẫy rên, con người vẫn không được giải phóng, thì giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội cũng vô nghĩa. Logic này được Hồ Chí Minh nêu từ khi nước Việt

Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời: “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹⁰; rằng, “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”¹¹. Vậy nên, giải phóng con người mới là mục tiêu cuối cùng, mục tiêu cao nhất cần phải đạt tới trong học thuyết giải phóng của Hồ Chí Minh. Đã có không ít người cho rằng, nên gọi là “Học thuyết Hồ Chí Minh” thay cho cụm từ “Tư tưởng Hồ Chí Minh”, với nghĩa là “học thuyết” có nội hàm cao hơn “tư tưởng”. Liên tưởng tới ý nghĩa của sự giải phóng, thì với quan điểm của Hồ Chí Minh trên đây, có thể gọi đó là “học thuyết giải phóng của Hồ Chí Minh”.

Con người là sản phẩm của tự nhiên. Góc gác của con người, cho đến nay, bản thân con người cũng chưa có câu trả lời thống nhất khi đang tồn tại cả hai loại ý kiến không bao giờ gặp nhau: thần học và vô thần. Những người theo thần học cho rằng, con người do đấng tạo hóa tạo ra, như đã tạo ra muôn loài. Còn những người vô thần thì tin theo học thuyết Chales Darwin: con người là sản phẩm của quá trình tiến hóa của sinh vật. Dù thuộc loại ý kiến gì thì trong quá trình cạnh tranh sinh tồn và phát triển, con người thời kỳ mông muội, sơ khai tiến tới thời kỳ con người có xã hội và từ đó có thêm áp bức ngoài sự chế định áp chế của tự nhiên. Đó là sự áp bức giữa con người với con người, giữa nhóm người này với nhóm người nọ, sau này xã hội có giai cấp, thì đó là giữa giai cấp này với giai cấp nọ.

Con người muốn trở lại cái bản ngã thì phải đấu tranh chống lại mọi áp chế đó, do đó, con người mới có khát vọng tự do, một khát vọng muôn đời, lúc âm ỉ, lúc trào dâng như sóng dềnh biển cả. Sự nghiệp giải phóng trở thành sự nghiệp của nhiều người chân chính. Trong những người chân chính này, nổi lên những đại diện, những đại diện đó do

chính bản thân cá nhân con người tự ý thức và đứng ra tự nhận trách nhiệm về mình, nghĩa là đứng lên làm trách nhiệm dẫn dắt/lãnh đạo mọi người phấn đấu cho tự do. Và, cũng có những đại diện được cộng đồng người suy tôn đứng lên giải quyết khát vọng tự do, bình đẳng của con người. Đó là những *vĩ nhân* hoặc là những *nhân vật kiệt xuất* được ủy nhiệm làm người chỉ dẫn/lãnh đạo công cuộc đấu tranh giải phóng con người, làm cho con người vươn tới vương quốc tự do, tức là con người được giải phóng khỏi tất cả mọi sự áp bức, bất công trong xã hội.

Những người như vậy có thể được gọi là những sứ giả của tạo hóa, tức là những “thiên sứ”, những sứ giả của công cuộc giải phóng. Đương nhiên, họ vẫn không thể thoát ra được sự chế định của tạo hóa. Đơn giản là bởi vì mỗi một người là một tiểu vũ trụ. Mỗi tiểu vũ trụ bị/được chế ngự bởi quy luật Thành - Trụ - Hoại - Diệt. Bốn thành tố đó bề ngoài thì theo chuỗi như vậy, kỳ thực bên trong lại có sự chuyển hóa khôn lường ứng với mỗi cá thể tiểu vũ trụ. Chỉ riêng sự *Diệt* trong bốn thành tố đó thôi cũng đã thiên biến vạn hóa. Ở tiểu vũ trụ, riêng về mặt sinh học, thì phải tuân theo quy luật Sinh - Lão - Bệnh - Tử. Đối với quy luật này, thế giới của con người có ba cái chết: (1) Chết sinh học; (2) Chết về văn hóa; nghĩa là người đó còn sống về sinh học nhưng coi như đã chết, thậm chí bị người đời nguyên rủa, hoặc chẳng ai còn biết người đó còn ở trên đời này nữa; (3) Có cái chết sinh học rồi nhưng vẫn còn để lại tiếng thơm cho đời; nói theo ý của Đại thi hào Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* thì đó là người *thác là thể phách còn là tinh anh*. Còn nói theo người Anh hùng dân tộc vĩ đại K.Bôtép của nước Bulgaria thì là: *Người nào ngã xuống trong cuộc đấu tranh cho tự do thì người đó không bao giờ chết!* Đối với trường hợp cái chết (3), khi cốt nhục đã trở về với cát bụi, nhưng cái còn lại là giá trị văn hóa. Sự *Diệt* của tiểu vũ trụ cũng như sự *Tử*

của sinh học không phải là dấu chấm hết. Nó chính là sự trở lại của *Thành* và *Sinh*. Đó là nguyên nhân. Đó là sự vĩnh hằng. Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật ứng vào trường hợp (3) này.

Những quan điểm, tư tưởng của các vị thuộc trường hợp (3) trên đây được gọi là “Học thuyết giải phóng”. Những quan điểm của Hồ Chí Minh chính là một trong số đó. Vì vậy, gọi “Học thuyết giải phóng Hồ Chí Minh” không có gì sai.

2. Con người cộng đồng/con người xã hội

Con người sống trong thời kỳ sơ khai của trái đất chủ yếu ứng xử với thế giới tự nhiên. Thế giới tự nhiên cũng là những yếu tố vật chất khảo nghiệm đối với cuộc sống của con người: lụt, bão, giông tố, động đất, núi lửa, sự tiến công của các loài sinh vật khác trong cạnh tranh sinh tồn, v.v., nghĩa là ngay từ thời mông muội, con người đã phải ứng xử quan hệ không kém phần phong phú, khốc liệt với đủ muôn loài, muôn vật.

Dần dần, con người bước vào thời kỳ có xã hội, thì con người thuận theo dòng phát triển, tức là theo quy luật, rồi từng bước đi tới sự *Hoại, Diệt*, lúc này con người bị cộng thêm những khảo nghiệm khác, thật sự khốc liệt hơn. Bởi vì con người là động vật có trí tuệ nhưng bị kịch cũng lại ở chính điều đó: con người là động vật khó giác ngộ nhất, đặc biệt là khi đứng trước các cám dỗ thường ngày (Phật gia cho rằng, hiện nay nhân loại đang ở thời mạt Pháp, con người đang chìm vào cõi mê, rất khó ngộ, ngay cả người chuyên đi tu). Giữa cái kiêu hãnh với kiêu ngạo, kiêu căng chỉ có lẫn ranh rất mỏng. Con người cứ tự cho mình là nhất trái đất, là số 1 của muôn loài, tự cho mình thuộc loại động vật thông minh nhất hành tinh bởi con người có trí tuệ. Kỳ thực đâu hoàn toàn như vậy. Thật ra, con người là động vật ác nhất, tàn bạo nhất, dã man nhất so với tất cả các loài động vật khác. Bằng chứng thì nhiều, nhưng chỉ kể ra

hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỷ XX là rõ hơn cả (1914-1918 và 1939-1945). Với hai cuộc chiến tranh thế giới đó, con người giết ngay chính đồng loại của mình biết bao nhiêu là sinh mạng! Thật là núi xương sông máu¹². Hiện thời vẫn thế: khủng bố quốc tế, chiến tranh nóng rẫy lên. Vẫn còn cái cảnh hãm hê nhau giữa nước này nước nọ, đua nhau sắm vũ khí, chế tạo vũ khí hạt nhân nói là để răn đe (Mỹ và Nga chiếm tới khoảng 90% vũ khí hạt nhân của thế giới). Chưa biết chừng, có khi nút vũ khí hạt nhân sẽ bị bấm thật (lịch sử đã có rồi - với hai quả bom nguyên tử Mỹ ném xuống hai thành phố Nhật Bản: Hiroshima ngày 6-8-1945; ba ngày sau, tức là ngày 9-8-1945, xuống thành phố Nagasaki). Con người tìm cách diệt nhau dưới mọi lý do, dưới mọi hình thức, vẫn cứ tiếp diễn ở thì hiện tại và ở thì tương lai. Và con người cũng lĩnh hậu quả tai hại do chính con người gây ra.

Đó là về mặt xã hội. Còn đối với con người trong quan hệ ứng xử với tự nhiên thì sao? Con người có lòng tham vô đáy, vor vét tài nguyên, làm hủy hoại tự nhiên, phá vỡ quy luật môi trường sinh thái, nơi mà chính con người đang sinh sống. Đã và đang xảy ra hằng năm El Nino, La Nina, cháy rừng, lụt, bão, hạn hán, nước biển dâng, động đất, núi lửa, hằng năm thải ra hàng triệu tấn khí carbon, thủng mấy triệu km² tầng ozon ở Nam Cực, khí hậu biến đổi cực đoan, nhiệt độ trái đất tăng lên, ô nhiễm bầu khí quyển. Băng ở hai đầu Bắc Cực và Nam Cực của trái đất tan nhanh, tan sớm, tan nhiều. Kể cả rác, trong đó có thứ rác tai hại nhất là rác nhựa, ở đại dương, sông ngòi và cả ở vũ trụ, v.v..

Trong những quan điểm của Hồ Chí Minh về cuộc sống của con người thì từ rất sớm, Người đã nêu vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái, ngay cả đối với xử lý thi hài của mình. Vấn đề bảo vệ môi trường, sinh thái là vấn đề toàn cầu. Nó hiển hiện trước mắt mọi người. Ấy vậy mà không phải ai cũng biết, ai cũng thấu hiểu được tầm quan trọng

của nó. Hồ Chí Minh là người rất hiểu điều đó quan trọng tới đời sống con người như thế nào và do đó trở thành người tiên phong “xắn tay áo làm”¹³ một cách tích cực nhất, bền bỉ kiên trì nhất cho lĩnh vực hòa hợp, thân thiện thiên nhiên. Hiện nay, với sự góp sức của thành quả cách mạng công nghiệp cho nên một ngày có thể tạo ra của cải vật chất bằng mấy chục năm trước cộng lại, nhưng tay trái của con người lại tạo ra vũ khí để tự giết chính mình. Cái mà chúng ta thường hay gọi là thiên tai thì thực ra đó là nhân tai. Vũ trụ bao giờ cũng tồn tại hai mặt đối lập. Thế giới của con người cũng vậy. Triết học cũng khẳng định như thế. Có dương có âm, có thiện có ác, có tốt có xấu, có cái cao cả có cái thấp hèn, có cái lạc hậu có cái tiên bộ, có nóng có lạnh,... Trong một tổ chức chính trị hay chính trị - xã hội, bao giờ cũng có tổ chức thế này thế nọ, có người thế này thế khác. Hồ Chí Minh là người luôn luôn muốn kích hoạt, nhân lên, lan tỏa điều thiện, điều tốt, điều đẹp của con người, những yếu tố trong triết học mà người ta hay nói đến: Chân - Thiện - Mỹ.

Nói đến con người cũng như nói đến cộng đồng xã hội, là nói đến tính bầy đàn như chúng ta thấy ở nhiều loài động vật khác. Trong cộng đồng bầy đàn, có nhiều top, có top đầu, top giữa, top cuối hoặc có con đầu đàn và phần còn lại. Trong xã hội loài người, phần còn lại này chính là khối tập thể rộng nhất - đó là NHÂN DÂN (*people*, trong tiếng Anh, chứ không phải là *man* - điều mà Hồ Chí Minh đã dùng chữ *people*, tức là *mọi người*, thay cho *man*, tức là chỉ đàn ông, khi dẫn *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ năm 1776).

Thăng thần và nói một cách đúng cả lý luận và thực tế là Đảng Cộng sản Việt Nam là một thực thể tinh hoa của xã hội. Những thành viên của Đảng là những thực thể tinh hoa không những từ giai cấp công nhân mà còn là của nhân dân lao động và toàn dân tộc. Do vậy, trọng đề của Hồ Chí Minh trong sự

nghiệp giải phóng con người và cũng là một trong những biểu hiện rõ nhất của Hồ Chí Minh về điều đó là Người đặc biệt coi trọng rèn luyện Đảng để Đảng trở thành Đảng là đạo đức, là văn minh - những yếu tố của con người chân chính, tức là con người tốt theo 4 đức cần kiệm liêm chính trong những mệnh đề đối và tiếp nhau:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Thiếu một mùa, thì không thành trời.

Thiếu một phương, thì không thành đất.

Thiếu một đức, thì không thành người”¹⁴.

Hồ Chí Minh thực hành “rèn” đạo đức cán bộ, đảng viên. Người nhấn mạnh, đảng viên càng phải là những người có lòng nhân ái, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹⁵ (*Di chúc*); trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân; có Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công, Vô tư; có tinh thần quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng “là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Những người mà:

- Giàu sang không thể quyến rũ,
- Nghèo khó không thể chuyển lay,
- Uy lực không thể khuất phục”¹⁶.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹⁷; rằng, Đảng phải “sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân”¹⁸.

Vấn đề con người và công cuộc giải phóng con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh thật phong phú và cũng là một chiến lược lâu dài của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghị quyết Đại hội

XIII của Đảng chính là sự thể hiện quyết tâm lớn của toàn Đảng, toàn dân học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về giải phóng con người - mục tiêu cuối cùng và cao đẹp nhất của lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 1. Chắc chắn rằng, quan niệm về dân của Hồ Chí Minh khác, rất khác với quan niệm về dân (people, man) của các chính khách Hoa Kỳ đề cập trong *Tuyên ngôn độc lập* Mỹ. Liên quan vấn đề này, tác giả Lady Borton (người Mỹ) có bài viết: “Hồ Chí Minh đã biết điều đó như thế nào?”, tại Hội thảo quốc tế “Việt Nam trong thế kỷ XX” được tổ chức tại Hà Nội, Việt Nam, từ ngày 19 đến ngày 21-9-2000. Xem: Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Đại học quốc gia Hà Nội: *Việt Nam trong thế kỷ XX* (Kỷ yếu Hội thảo), Nxb CTQG, H, 2002, T. 4, tr. 251-261. Cũng cần viết thêm rằng, trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh viết nhầm *Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền* của Pháp năm 1789 thành năm 1791

2, 3, 10, 11. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 1, 1, 64, 175

4. Tác phẩm này thuộc phần “Tác phẩm có thể là của Chủ tịch Hồ Chí Minh” trong *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 1, tr. 500-520

5, 8. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 1, tr. 511, 441

6, 7. Robert S. Mc Namara: *Nhìn lại quá khứ. Tàn tích lịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 12, 316

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 7, tr. 113

12. Nhiều tài liệu cho biết số người chết trong Thế chiến I khoảng hơn 20 triệu; còn đối với Thế chiến II là khoảng 80 triệu người

13. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 5, tr. 77

14. *Sđđ*, T. 6, tr. 117

15, 17. *Sđđ*, T. 15, tr. 611, 611-612.

16, 18. *Sđđ*, T. 7, tr. 50, 50.